

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HS-PT

Ngày: 30-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai với hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn N** (Sâm), sinh ngày 20/01/1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn R và bà Nguyễn Thị N; tiền án: Tại Bản án số 35/2006/HS-ST ngày 28/02/2006 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản"; Tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về "Tội Hủy hoại tài sản"; Tại Bản án số 25/2009/HSST ngày 23/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về "Tội cướp giật tài sản"; Tại Bản án số 70/2012/HSST ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm tù về "Tội Mua bán trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt với Bản án số 25/2009/HSST ngày 23/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, buộc chấp hành hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/12/2019; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 19/01/2022 của Công an huyện Giồng Trôm xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất

ma túy”; Bị tạm giữ ngày 22/10/2021, chuyển tạm giam từ ngày 28/10/2021 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2021, một nam thanh niên tên Trí (không rõ họ tên, địa chỉ) là người quen biết với Trần Văn N đến nhà N tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, để bán cho N 01 (một) gói ma túy, N thanh toán bằng 02 (hai) con gà. Sau đó, N chia gói ma túy ra thành nhiều gói nhỏ, cất giấu trong nhà để sử dụng. Khoảng 01 giờ ngày 22/10/2021, N lấy một ít ma túy ra để sử dụng tại phòng ngủ trong nhà N. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, N bị lực lượng Công an thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre tiến hành test ma túy, kết quả N dương tính với chất ma túy (Methamphetamine). N khai nhận với Cơ quan điều tra là N còn cất giấu trái phép chất ma túy tại nhà, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và vùng phụ cận tại nhà của N ở ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và phát hiện N cất giấu trái phép chất ma túy ở phía trên tủ bằng gỗ tại khu vực nhà trước.

Vật chứng tạm giữ: Thu của Trần Văn N trong quá trình khám xét khẩn cấp:

- 01 túi nylon màu đỏ, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, bên trong có:

+ 01 (một) túi nylon màu trắng, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong có nhiều hạt tinh thể nghi là chất ma túy.

+ 01 (một) túi nylon màu trắng, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu trắng, bên trong có nhiều hạt tinh thể nghi là chất ma túy.

+ 01 (một) túi nylon màu trắng, được hàn kín bốn phía, bên trong có nhiều hạt tinh thể nghi là chất ma túy.

+ 01 (một) túi nylon màu trắng, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu trắng, bên trong rỗng.

Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu K.

- 01 (một) kéo bằng kim loại, màu trắng;

- 01 (một) bình nhựa có nắp đậy, trên nắp có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa.

Tại Kết luận giám định số 149/2021/GĐMT ngày 25/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu K gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,6652 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn

N phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2022, bị cáo Trần Văn N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và xử phạt bị cáo N 06 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên khi test chất ma túy bị cáo tự nguyện chỉ nơi cất giấu ma túy thuộc trường hợp tự thú, bị cáo phạm tội với lượng ma túy thuộc khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo bị truy tố xét xử theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là do nhân thân của bị cáo có tiền án. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Văn N từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về phụng dưỡng cha, mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2021, Trần Văn N mua một nam thanh niên tên Trí (không rõ họ tên, địa chỉ) là người quen biết với Trần Văn N, N thanh toán bằng 02 (hai) con gà. Sau đó, N chia gói ma túy ra thành nhiều gói nhỏ, cất giấu trong nhà để sử dụng. Khoảng 01 giờ ngày 22/10/2021, N lấy một ít ma túy ra để sử dụng tại phòng ngủ trong nhà N. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, N bị lực lượng Công an thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre tiến hành test ma túy, kết quả N dương tính với chất ma túy (Methamphetamine). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và vùng phụ cận tại nhà của N tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, phát hiện N cất giấu trái phép 0,6652 gam Methamphetamine tại nhà, mục đích để sử dụng.

Đối với bị cáo Trần Văn N, vào năm 2012 bị cáo kết án 04 năm tù về "Tội cướp giật tài sản", theo Bản án số 25/2009/HSST ngày 23/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đến ngày 23/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm tù về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" (theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 2015) tại Bản án số 70/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt còn lại của Bản án số 25/2009/HSST ngày 23/4/2009, buộc Trần Văn N chấp hành hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù, (bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, theo khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự). Trần Văn N chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 70/2012/HSST vào ngày 19/12/2019, chưa được xóa án tích, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Với ý thức, hành vi và nhân thân của Trần Văn N, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bà nội được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, hai bác ruột là liệt sĩ và gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, xét tình tiết giảm nhẹ, theo nội dung Bản án có ghi đoạn "N

khai nhận với Cơ quan điều tra là N còn cất giấu trái phép chất ma túy tại nhà”_thấy rằng, sau khi Trần Văn N bị test chất ma túy xong lúc 13 giờ 55 phút ngày 22/10/2021, sau đó có lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 22/10/2021 có đặt câu hỏi đối với N “Ma túy do đâu mà có?”, N cho rằng “Ma túy tôi có sử dụng là do bạn tôi tên thường gọi là Tí, nhà ở thành phố Bến Tre đem xuống nhà cho tôi, tôi không biết nhà Tí ở đâu và tôi còn 01 miếng ma túy tại nhà của tôi”, đến 17 giờ 30 phút ngày 22/10/2021 lập Biên bản khám xét, có ghi nội dung: “Sau khi nghe đọc Lệnh khám xét khẩn cấp, Trần Văn N đã tự nguyện chỉ ra nơi cất giấu ma túy đá là phía trên tủ bằng gỗ ở khu vực nhà trước, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ” và có lập Biên bản niêm phong các gói có chứa tinh thể nghi là chất ma túy được ký hiệu là “K”. Như vậy, trong lúc làm rõ việc vi phạm chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Trần Văn N tự khai còn cất chất ma túy ở nhà trước khi khám xét khẩn cấp, tình tiết này thuộc trường hợp tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (người phạm tội tự thú) nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** (Sâm) 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Văn N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H. Giồng Trôm (3b);
- VKSND H. Giồng Trôm (1b);
- Công an H. Giồng Trôm (1b);
- CC THADS H. Giồng Trôm (1b);
- UBND xã Thuận Điền, H. Giồng Trôm (1b);
- Trại tạm giam + Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh